**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ THU THẬP, KHAI THÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

| **STT** | **Nội dung dự thảo** | **Ý kiến của các đơn vị** | **Giải trình** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Ý kiến chung đối với dự thảo Thông tư** |  |  |
| 1 |  | **Vụ Pháp chế:**  Dự thảo Thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin, báo cáo, tuy nhiên phương thức báo cáo, thời hạn gửi thông tin, báo cáo… đều được dẫn chiếu tới Quyết định của Thống đốc, hướng dẫn của NHNN… do đó, cân nhắc để quy định cụ thể tại Thông tư để đảm bảo tính thống nhất, áp dụng ổn định cho các đối tượng thực hiện báo cáo | **Bảo lưu**  - Phương thức báo cáo được hướng dẫn chi tiết và bao gồm nhiều nội dung về mặt kỹ thuật (phương thức kết nối, đặc tả cơ sở dữ liệu, tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật…) do đó không nên quy định cụ thể tại Thông tư.  - Định kỳ, thời hạn gửi báo cáo được quy định cụ thể tại từng báo cáo và có thể được thay đổi theo nhu cầu giám sát do đó cần được quy định tại Quyết định của Thống đốc để đảm bảo hiệu quả, rút ngắn thời gian sửa đổi, bổ sung báo cáo đáp ứng yêu cầu quản lý của NHNN trong từng thời kỳ. |
| 2 |  | **Vụ Dự báo thống kê - Ổn định tiền tệ tài chính (DBTKOD):**  **(i)** Do thông tư quy định quy trình về thu thập, khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát (Hệ thống thông tin giám sát) QTDND và TCTCVM gắn với các yêu cầu báo cáo cụ thể, do đó, nội dung Thông tư cần đảm bảo thể hiện các nội dung về đối tượng báo cáo, yêu cầu báo cáo, định kỳ, thời hạn báo cáo, quy trình xử lý báo cáo, trách nhiệm của các đơn vị tham gia vào quy trình xử lý báo cáo, nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, khả thi yêu cầu báo cáo.  **(ii)** Đối với các thông tin yêu cầu đối tượng báo cáo cần đơn vị rà soát đảm bảo không trùng lặp với các yêu cầu báo cáo quy định tại Hệ thống thông tin tín dụng, Hệ thống báo cáo NHNN và các Hệ thống thông tin báo cáo khác (nếu có) nhằm hạn chế gia tăng gánh nặng đối với TCTD.  **(iii)** Hiện nay, QTDND đang thực hiện các báo cáo (thống kê, giám sát, khác,…) cho NHNN theo yêu cầu của các đơn vị thuộc NHNN, phục vụ công tác chuyên môn của từng đơn vị. Nếu Quý Cơ quan xây dựng Hệ thống thông tin giám sát thì nên xem xét tích hợp các yêu cầu báo cáo của NHNN áp dụng đối với QTDND và TCTCVM tại một Hệ thống nhằm đảm bảo: (1) tạo điều kiện cho các đơn vị báo cáo thực hiện thống nhất trên một đường truyền; (2) các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN theo dõi/ đối chiếu, đánh giá, kiểm tra/kiểm soát phạm vi/nội hàm số liệu.  **(iv)** Dù quy định thu thập báo cáo của QTDND và TCTCVM tại một hoặc các Hệ thống khác thì Cục CNTT cần đảm bảo có giải pháp chia sẻ, khai thác cáo của QTDND và TCTCVM đầy đủ, thông suốt, bình thường như hiện nay.  **(v)** Theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (trước khi thực hiện Nghị định 26/2025/NĐ-CP), các báo cáo áp dụng đối với QTDND và TCTCVM đang được tổng hợp tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2015/TT-NHNN (dự kiến ban hành năm 2025). Do đó, trường hợp các báo cáo giám sát đối với QTDND và TCTCVM được quy định tại Quyết định đính kèm dự thảo Thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động QTDND và TCTCVM, Vụ DBTKOD đề nghị Quý Cục có văn bản xác nhận các báo cáo nêu trên có tiếp tục quy định tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2015/TT-NHNN hay không? | **(i) Tiếp thu**  Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (Cục ATHT) sẽ nghiên cứu các ý kiến cụ thể đối với dự thảo Thông tư để bổ sung, hoàn thiện các nội dung theo ý kiến của Vụ DBTKOD.  **(ii) Tiếp thu**  Sau khi Hệ thống thông tin giám sát đi vào vận hành chính thức, Cục ATHT sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát yêu cầu báo cáo để đảm bảo không trùng lặp với các Hệ thống thông tin khác, gia tăng gánh nặng đối với QTDND, TCTCVM và sẽ được thể hiện tại Quyết định của Thống đốc.  **(iii) Bảo lưu**  Thiết kế chi tiết của Dự án Hệ thống thông tin giám sát không bao gồm các yêu cầu báo cáo phục vụ công tác chuyên môn khác (ngoài công tác thanh tra, giám sát) của các Vụ, Cục NHNN, do đó để tránh phải thay đổi Thiết kế chi tiết, ảnh hưởng tới tiến độ dự án, các yêu cầu báo cáo này tiếp tục báo cáo qua Hệ thống báo cáo thống kê NHNN và được chuyển sang Hệ thống thông tin giám sát để các Vụ, Cục NHNN khai thác, phân tích nếu có nhu cầu.  Sau khi Hệ thống thông tin giám sát đi vào vận hành chính thức, Cục ATHT sẽ phối hợp với Cục Công nghệ thông tin nghiên cứu giải pháp để các đơn vị báo cáo thực hiện thống nhất trên một đường truyền.  **(iv) Tiếp thu**  Bổ sung trách nhiệm của Cục CNTT tại Điều 10 dự thảo Thông tư về đảm bảo giải pháp chia sẻ, khai thác báo cáo của QTDND, TCTCVM đầy đủ, thông suốt, bình thường như hiện nay.  **(v) Tiếp thu**  Báo cáo áp dụng đối với QTDND và TCTCVM được quy định tại Quyết định đính kèm Thông tư này (trừ các báo cáo do các Vụ, Cục khác xây dựng) và không quy định tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 35/2015/TT-NHNN. |
| 3 |  | **Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC): (i)** Về kết cấu Thông tư đề nghị cân nhắc quy định thành 04 Chương theo hướng: Chương I. Quy định chung; Chương II Hoạt động cung cấp và khai thác thông tin; Chương III. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị; Chương IV. Điều khoản thi hành.  **(ii)** Đề nghị cân nhắc, rà soát bổ sung các quy định về mục đích thu thập, khai thác thông tin, nguyên tắc cung cấp, khai thác thông tin và yêu cầu về an toàn, bảo mật hoạt động cung cấp, khai thác thông tin.  Lý do:  - Những nội dung này cần cụ thể hóa trong Thông tư để có căn cứ thực hiện.  - Việc thu thập, cung cấp thông tin phải đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về dữ liệu, về bảo vệ dữ liệu cá nhân.  **(iii)** Đề nghị bổ sung giải thích một số từ ngữ tại Dự thảo Thông tư.  Lý do:  - Thống nhất việc sử dụng từ ngữ “thông tin, báo cáo”, “thông tin”, “thông tin, dữ liệu”; giải thích một số từ ngữ trong Dự thảo Thông tư như: “hệ thống thông tin khác”; “hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa”; “hệ thống thông tin tín dụng”.  - Hướng dẫn việc triển khai thực hiện Thông tư.  **(iv)** Đề nghị làm rõ việc khai thác thông tin từ Hệ thống giám sát đối với các đơn vị thuộc NHNN. | **(i) Bảo lưu**  Kết cấu (3 Chương) của Dự thảo Thông tư hiện nay đã phù hợp.  **(ii) Tiếp thu**  - Đối với quy định về mục đích thu thập, khai thác thông tin: bổ sung quy định tại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.  - Đối với quy định về an toàn, bảo mật hoạt động cung cấp, khai thác thông tin: đã có quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 16 Dự thảo Thông tư.  **(iii) Tiếp thu**  - Đã chỉnh sửa để thống nhất sử dụng từ ngữ *“thông tin, báo cáo”* tại Dự thảo Thông tư.  - Đối với giải thích các từ ngữ về hệ thống thông tin tại Dự thảo Thông tư: các hệ thống thông tin quy định tại khoản 3 Điều 3 Dự thảo Thông tư do các đơn vị thuộc NHNN quản lý, có Thông tư, Quy chế quy định riêng (Thông tư về chế độ báo cáo thống kê, Thông tư về hoạt động thông tin tín dụng, Quy chế quản trị, vận hành hệ thống hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa) do đó không cần thiết bổ sung quy định về giải thích từ ngữ.  **(iv) Bảo lưu**  Khoản 1 Điều 8 dự thảo Thông tư đã quy định nội dung, phạm vi khai thác, phân quyền khai thác của các đơn vị thuộc NHNN. |
| 4 |  | **Vụ Tài chính - Kế toán (Vụ TCTK):**  **(i)** Theo Bảng giải trình các nội dung dự thảo Thông tư, các mẫu biểu tại Dự thảo Thông tư chính là các mẫu biểu do cơ quan soạn thảo xây dựng dự kiến thay thế các mẫu biểu yêu cầu QTDND và TCTCVM báo cáo tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 (Thông tư số 35); Thông tư thay thế Thông tư số 35 chỉ còn quy định đối với các mẫu biểu yêu cầu QTDND và TCTCVM báo cáo do các Vụ, Cục khác (ngoài Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) xây dựng.  Thông tư số 35 là văn bản quy định chung về các báo cáo thống kê áp dụng cho các tổ chức tín dụng. Do vậy, để đảm bảo thuận tiện cho QTDND và TCTCVM trong quá trình báo cáo, Vụ TCKT đề nghị Quý Cục phối hợp với Vụ Dự báo, thống kê (đơn vị chủ trì tham mưu ban hành Thông tư số 35) để thống nhất việc QTDND và TCTCVM sẽ thực hiện chung theo Thông tư sau này thay thế Thông tư số 35, hay thực hiện theo 01 Thông tư riêng phục vụ công tác giám sát như tại dự thảo.  **(ii)** Đề nghị xem xét quy định cụ thể hơn các nội dung về việc khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin giám sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam. | **(i)** Yêu cầu QTDND, TCTCVM báo cáo (do đơn vị thanh tra, giám sát xây dựng) được quy định tại Thông tư này và yêu cầu QTDND, TCTCVM báo cáo phục vụ công tác chuyên môn khác của các Vụ, Cục thuộc NHNN (ngoài công tác thanh tra, giám sát) thực hiện theo quy định tại Thông tư thay thế Thông tư số 35/2015/TT-NHNN để phù hợp với Thiết kế Hệ thống thông tin giám sát, tránh sửa đổi ảnh hưởng tiến độ triển khai.  Sau khi Hệ thống thông tin giám sát đi vào vận hành chính thức, Cục ATHT sẽ phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan nghiên cứu giải pháp để các đơn vị báo cáo thực hiện thống nhất trên một đường truyền.  **(ii) Tiếp thu**  Cục ATHT nghiên cứu ý kiến cụ thể của các đơn vị đối với dự thảo Thông tư để chỉnh sửa, quy định cụ thể hơn việc khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin giám sát của BHTG, NHHTX tại Điều 8 (Khai thác thông tin, báo cáo) |
| 5 |  | **Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng (Cục QLGS):**  Đề nghị rà soát, thống nhất sử dụng trong toàn Dự thảo Thông tư đối với các cụm từ “Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam” (khoản 3 Điều 2), “Ngân hàng hợp tác xã” (Điều 16), “Quỹ tín dụng nhân dân” (khoản 1 Điều 3), “quỹ tín dụng nhân dân” (khoản 2 Điều 3), “Tổ chức tài chính vi mô” (khoản 1 Điều 3), “tổ chức tài chính vi mô” (khoản 1 Điều 4,…) | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thống nhất các cụm từ tại Dự thảo Thông tư. |
| 6 |  | **NHNN Khu vực 3:**  **(i)** Đề xuất rà soát và bổ sung đầy đủ các thông tin để đảm bảo thực hiện giám sát được các nội dung giám sát theo Quyết định số 1217/QĐ-NHNN ngày 22/6/2023 về việc ban hành Sổ tay giám sát ngân hàng, bao gồm giám sát tuân thủ, giám sát rủi ro (các thông tin như tình hình đơn thư, các vụ việc chuyển cơ quan điều tra, việc thực hiện công bố các thông tin, kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền…) và các thông tin khác đảm bảo thu thập được toàn diện các thông tin để giám sát mọi hoạt động của QTDND.  **(ii)** Đề xuất bổ sung đầy đủ 100% các báo cáo phân tích, đánh giá thể hiện được tình hình thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật có thể lượng hóa được và bổ sung các báo cáo khác theo quan điểm quản lý của Ngân hàng Nhà nước đánh giá là cần thiết đối với các hoạt động trọng yếu của QTDND.  **(iii)** Đề xuất thu thập đầy đủ các thông tin cơ bản về cấp phép hoạt động, các nội dung thay đổi phải được cơ quan quản lý chấp thuận… Việc QTDND báo cáo các thông tin cũng là kênh để cơ quan quản lý kiểm soát các nội dung cơ bản trong hoạt động của QTDND nhằm phát hiện các nội dung QTDND thực tế có thay đổi nhưng không kịp thời đề nghị cơ quan quản lý chấp thuận do QTDND hạn chế về hiểu biết để thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.  **(iv)** Đề xuất tích hợp công cụ phân tích giám sát vào Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát, đảm bảo việc tập trung thu thập và xử lý dữ liệu trong quy trình giám sát, giảm tải áp lực tính toán cho công chức giám sát. Ngoài việc thu thập thông tin qua các biểu số liệu tĩnh để thực hiện giám sát tuân thu theo tần suất ngày, tháng, quý, năm, còn cần các báo cáo phân tích dữ liệu biến động, xu hướng và các mối liên hệ giữa các chỉ tiêu theo thời gian để phục vụ công tác giám sát rủi ro (biến động về dòng tiền, các nhóm chỉ tiêu phản ánh hoạt động chất lượng tín dụng, huy động vốn, tài chính (NIM, ROA, ROE)…). Đề xuất bổ sung chức năng trực quan hóa số liệu (biểu đồ, đồ thị,…) để việc đánh giá và nhận diện biến động, xu hướng được thuận tiện, dễ dàng hơn, từ đó các công chức giám sát kịp thời đưa ra các khuyến nghị, kiến nghị, cảnh báo, xử lý phù hợp.  **(v)** Thông tư đã lồng ghép việc cung cấp thông tin cho NHHTX, BHTG nhưng chưa có quy định về việc thu thập thông tin của NHHTX và BHTG đối với các nội dung liên quan đến QTDND. Do đó đề xuất bổ sung thêm quy định thu thập thông tin từ NHHTX và BHTG đối với các nội dung liên quan đến QTDND nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin được tập trung, khoa học, thuận tiện cho công tác giám sát. | **(i), (iii) Bảo lưu**  Thông tin thu thập về cơ bản đã đáp ứng việc khai thác theo các chỉ tiêu giám sát tại Sổ tay giám sát. Các thông tin về cấp phép, khác về đơn thư, vụ việc, kết quả thanh tra, kiểm tra… được Cục ATHT, NHNN khu vực cung cấp thông qua các chức năng trên Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư.  **(ii) Bảo lưu**  Hệ thống thông tin giám sát đã thiết kế các mẫu biểu báo cáo đầu ra phân tích, đánh giá thể hiện được tình hình thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật có thể lượng hóa được.  Ngoài ra khi Hệ thống thông tin giám sát đi vào vận hành chính thức, các đơn vị có thể xây dựng báo cáo đầu ra theo nhu cầu và tiếp tục đề xuất bổ sung các báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát gửi Cục ATHT tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Thông tư.  **(iv) Bảo lưu**  Hệ thống thông tin giám sát đã thiết kế công cụ phân tích, giám sát, xây dựng biểu đồ, đồ thị phân bổ tần suất.  **(v) Bảo lưu**  Thiết kế của Hệ thống thông tin giám sát không thu thập trực tiếp thông tin do BHTG, NHHTX báo cáo mà lấy gián tiếp qua Hệ thống báo cáo thống kê NHNN hoặc do đơn vị thanh tra, giám sát cung cấp (upload lên hệ thống sau khi nhận được thông tin từ BHTG, NHHTX) cho Hệ thống thông tin giám sát.  Sau khi Hệ thống thông tin giám sát đi vào vận hành chính thức, sẽ nghiên cứu, xem xét, đánh giá việc thu thập thông tin trực tiếp từ BHTG, NHHTX. |
| 7 |  | **Bảo hiểm tiền gửi (BHTG:**  Đề nghị NHNN xem xét cho phép BHTG được tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát.  Lý do: Hiện nay BHTG đang tiếp nhận báo cáo của QTDND, TCTCVM từ Hệ thống báo cáo SG4 của NHNN. Tuy nhiên theo Dự thảo Thông tư, các mẫu biểu báo cáo sẽ được tiếp nhận từ Hệ thống thông tin giám sát mà không được tiếp nhận qua SG4, việc này khiến BHTG không có thông tin để duy trì các hoạt động nghiệp vụ. | **Tiếp thu**  Trong quá trình xây dựng Quy chế sẽ lấy ý kiến BHTG và các đơn vị liên quan để đảm bảo BHTG khai thác thông tin, dữ liệu của QTDND, TCTCVM phục vụ hoạt động nghiệp vụ. |
| 8 |  | **Hiệp hội QTDND:**  Hệ thống báo cáo mới với nhiều chỉ tiêu cần thu thập, trong đó một số chỉ tiêu chưa được các QTDND thu thập đầy đủ. Do đó, các QTDND cần thời gian để thích ứng, hoàn thiện dữ liệu nhằm đảm bảo tính chính xác và nhất quán khi chuyển đổi, áp dụng hệ thống báo cáo theo Thông tư mới. Để quá trình chuyển đổi, áp dụng diễn ra hiệu quả, Hiệp hội QTDND đề xuất quy định thời gian hiệu lực thi hành tối thiểu 6 tháng kể từ ngày ban hành thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động QTDND và TCTCVM. | **Tiếp thu**  NHNN đã có các văn bản yêu cầu QTDND (NHNN Khu vực phối hợp chỉ đạo), TCTCVM chuẩn bị nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ đáp ứng các yêu cầu báo cáo đúng thời điểm triển khai kiểm thử, thí điểm của Hệ thống thông tin giám sát. |
| **II** | **Ý kiến cụ thể đối với dự thảo Thông tư** |  |  |
| 1 | **Căn cứ ban hành:**  “Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;  Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;  Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;  Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.” | **CIC:**  (i) Đề nghị cân nhắc, chỉnh sửa theo hướng:  *“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ~~số 46/2010/QH12~~ ngày 16 tháng 6 năm 2010;*  *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ~~số 32/2024/QH15~~ ngày 18 tháng 01 năm 2024;”*  Lý do: Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Mục II, Phần I - Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư: “Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành)…”.  (ii) Đề nghị trích dẫn lại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do đã được thay thế bằng Nghị định số 26/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  (iii) Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: *“Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin,* ***báo cáo*** *của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.”*  Lý do: Thống nhất với tên Dự thảo Thông tư. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa như sau:  *“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*  *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*  *Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*  *Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;*  *Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin,* ***báo cáo*** *của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.”* |
| 1.1 |  | **Cục Công nghệ thông tin (Cục CNTT):**  Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Mục II, Phần I - Phụ lục I Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư, đề nghị chỉnh sửa: bỏ số, ký hiệu văn bản tại mục căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng. |
| 1.2 |  | **NHNN chi nhánh Khu vực 13 (NHNN Khu vực 13), Cục QLGS:**  Cập nhật Nghị định 26/2025/NĐ-CP hiện hành thay thế Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN. |
| 2 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định việc thu thập, khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô (sau đây gọi là Hệ thống thông tin giám sát). | **Vụ DBTKOD:**  Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị bổ sung nội dung về chia sẻ báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát với các Hệ thống thông tin báo cáo khác. Theo đó, tại các điều kiện cần thể hiện rõ về từng nội dung theo phạm vi quy định của Thông tư: Về thu thập, xử lý (nếu có), khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống giám sát. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa Điều 1 như sau:  *“Thông tư này quy định việc thu thập, khai thác,* ***chia sẻ*** *thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô (sau đây gọi là Hệ thống thông tin giám sát)* ***để phục vụ công tác quản lý, cấp phép, thanh tra, giám sát đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.****”* |
| 3 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  …  5. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến thu thập, khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát. | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, bổ sung đối tượng áp dụng theo hướng:  *“6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát”.*  Lý do: Phù hợp với đối tượng tổ chức thực hiện quy định tại Điều 16 Dự thảo Thông tư. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa khoản 5, bổ sung khoản 6 Điều 2 như sau:  *“5. Đơn vị thuộc* ***Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước)*** *có liên quan đến thu thập, khai thác,* ***chia sẻ*** *thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.*  ***6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.****”* |
| 4 | **Điều 3. Thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát**  Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định danh mục báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát trong từng thời kỳ, bao gồm các nhóm thông tin, báo cáo sau: | **CIC:**  Phần quy định chung: Đề nghị cân nhắc, bổ sung theo hướng:  *“Thống đốc NHNN ban hành Quyết định danh mục* ***thông tin****, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát trong từng thời kỳ…”*  Lý do: Phù hợp với quy định về thu thập thông tin, báo cáo tại Dự thảo Thông tư. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa Điều 3 thành:  *“Điều 3. Thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát*  *Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành* ***Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát trong từng thời kỳ,*** *bao gồm các nhóm thông tin, báo cáo sau:…”* |
| 4.1 | Khoản 1 Điều 3:  1. Thông tin, báo cáo do Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô cung cấp:  a) Thông tin định danh về khách hàng vay và khách hàng gửi tiền;  b) Thông tin về người có liên quan của khách hàng vay;  c) Thông tin về cho vay;  d) Thông tin về thành viên;  đ) Thông tin về nhân sự;  e) Thông tin về biện pháp bảo đảm tiền vay;  g) Thông tin về hoạt động xử lý nợ xấu nội bảng;  h) Thông tin ngoại bảng;  i) Báo cáo tài chính năm;  k) Thông tin cần thiết khác. | **Vụ Pháp chế:**  Khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư quy định một số nhóm thông tin, báo cáo (điểm c,g,i…) hiện đang quy định tại Thông tư 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng ngày 17/02/2025, các QTDND, TCTCVM sẽ thực hiện báo cáo theo quy định tại Thông tư này, do đó, đề nghị Quý Đơn vị phối hợp với Vụ Dự báo thống kê - Ổn định tiền tệ tài chính (Vụ DBTKOD) rà soát, đề xuất bỏ tại Thông tư thay thế Thông tư 35/2015/TT-NHNN để đảm bảo không trùng lặp với các yêu cầu báo cáo quy định tại Hệ thống thông tin tín dụng, Hệ thống báo cáo NHNN và các Hệ thống thông tin báo cáo khác (nếu có) | **Tiếp thu**  Mẫu biểu báo cáo áp dụng đối với QTDND, TCTCVM phục vụ công tác giám sát sẽ được quy định tại Dự thảo Thông tư, không quy định tại Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 35/2015/TT-NHNN. |
|  |  | **Thanh tra NHNN:**  Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 3 như sau: *“c. Thông tin về* ***hoạt động*** *cho vay”* | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa khoản 1 Điều 3 như sau:  *“Điều 3. Thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát…*  *1. Thông tin, báo cáo do* ***quỹ*** *tín dụng nhân dân,* ***tổ*** *chức tài chính vi mô cung cấp* ***bao gồm****:*  *a) Thông tin định danh về khách hàng vay và khách hàng gửi tiền;*  *b) Thông tin về người có liên quan của khách hàng vay;*  *c) Thông tin về* ***hoạt động*** *cho vay;*  *d) Thông tin về nhân sự;*  *đ) Thông tin về thành viên;*  *e) Thông tin về biện pháp bảo đảm tiền vay;*  *g) Thông tin về hoạt động xử lý nợ xấu nội bảng;*  *h) Thông tin ngoại bảng;*  *i) Báo cáo tài chính;*  *k) Thông tin khác.”* |
| 4.2 | Khoản 2 Điều 3  2. Thông tin, báo cáo do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước khu vực) cung cấp. |  | Chỉnh sửa khoản 2 Điều 3 để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của NHNN sau 01/3/2025 (Thanh tra NHNN và Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng cần cung cấp các thông tin liên quan đến QTDND, TCTCVM cho Hệ thống thông tin giám sát) như sau:  *“2. Thông tin, báo cáo do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng,* ***Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng****, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh* ***tại các*** *Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước Khu vực) cung cấp.”* |
|  |  | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, bổ sung theo hướng:  “*2. Thông tin, báo cáo do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, NHNN khu vực nơi QTDND,* ***TCTCVM*** *đặt trụ sở chính (sau đây gọi là NHNN khu vực) cung cấp theo quy định của NHNN”*.  Lý do: TCTCVM là đối tượng chịu sự điều chỉnh của Thông tư. Ngoài ra, 04 TCTCVM hiện nay có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội (NHNN khu vực 01 quản lý), thành phố Hồ Chí Minh (NHNN khu vực 02 quản lý) và tỉnh Thanh Hóa (NHNN khu vực 07 quản lý). | **Bảo lưu**  Theo chức năng nhiệm vụ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm giám sát an toàn vi mô đối với TCTCVM, do đó không quy định NHNN Khu vực nơi TCTCVM đặt trụ sở chính cung cấp thông tin, báo cáo. |
|  |  | **Cục CNTT:**  Khoản 2 Điều 3 đề nghị chỉnh sửa *“Ngân hàng Nhà nước khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính”* thành *“Ngân hàng Nhà nước khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân****/Tổ chức tài chính vi mô*** *đặt trụ sở chính”*. |
|  |  | **NHNN Khu vực 13, TCTCVM CEP:**  Khoản 2 Điều 3 sửa thành: *“2. Thông tin, báo cáo do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân,* ***tổ chức tài chính vi mô*** *đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước khu vực) cung cấp”*.  Lý do: để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. |
| 4.3 | Khoản 3 Điều 3  3. Thông tin từ các hệ thống thông tin khác:  a) Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.  b) Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa.  c) Hệ thống thông tin tín dụng.  d) Hệ thống thông tin khác. | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, chỉnh sửa theo hướng:  *“3. Thông tin từ các đơn vị thuộc NHNN theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật có liên quan.*  *4. Các nguồn thông tin, báo cáo khác theo quy định của pháp luật.”*  Lý do: Phân loại rõ thông tin, báo cáo thu thập từ các đơn vị thuộc NHNN và các thông tin, báo cáo từ các nguồn thông tin báo cáo khác. | **Bảo lưu**  Cần nêu rõ các Hệ thống thông tin để phù hợp với Thiết kế Hệ thống thông tin giám sát.  Chỉnh sửa khoản 3 Điều 3 như sau:  *“3. Thông tin từ các hệ thống thông tin* ***do các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước quản lý:***  *a) Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;*  *b) Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa;*  *c) Hệ thống thông tin tín dụng;*  *d) Hệ thống thông tin khác.”* |
|  |  | **Vụ TCKT:**  Khoản 3 Điều 3 dự thảo có quy định việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát từ nguồn thông tin của các hệ thống thông tin khác, gồm Hệ thống báo cáo thống kê của NHNN, Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, Hệ thống thông tin tín dụng và Hệ thống thông tin khác. Tuy nhiên, dự thảo Thông tư mới chỉ đề cập đến yêu cầu đối với Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (Điều 14 dự thảo). Do vậy, đối với các Hệ thống khác, đề nghị cân nhắc bổ sung các yêu cầu đối với các đơn vị liên quan. | **Tiếp thu**  Bổ sung mới Điều 15 quy định trách nhiệm của các đơn vị trong việc phối hợp với Cục CNTT trong quá trình kết nối, thu thập thông tin của Hệ thống thông tin giám sát |
| 5 | **Điều 4. Phương thức báo cáo**  1. Đối với báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô thực hiện gửi báo cáo bằng phương thức điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.  2. Đối với các thông tin, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước khu vực cung cấp thông qua các chức năng trên Hệ thống thông tin giám sát theo Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát.  3. Đối với các thông tin thu thập từ các hệ thống thông tin quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, các hệ thống thông tin này được kết nối, thu thập thông tin, báo cáo bằng phương thức kỹ thuật phù hợp với từng hệ thống. | **Vụ DBTKOD:**  (i) Theo Vụ DBTKOD hiểu Điều 6 là quy định trường hợp đặc biệt khi hệ thống QTDND gặp sự cố. Do đó, sẽ liên quan đến việc gửi báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 4. Vì vậy, Quý Cơ quan nên kết cấu ghép Điều 6 vào Khoản 1 Điều 4.  (ii) Qua trao đổi, Vụ DBTKOD được biết báo cáo giám sát áp dụng đối với TCTCVM được thu thập trên Hệ thống báo cáo thống kê. Vì vậy, đề nghị Quý Cục rà soát các quy định, quy trình xử lý báo cáo liên quan tại dự thảo Thông tư cho phù hợp (Khoản 1 Điều 4; Khoản 1, Khoản 3 Điều 6). | **Tiếp thu**  - Chỉnh sửa khoản 1 Điều 4 để phân tách rõ phương thức cung cấp thông tin, báo cáo của QTDND, TCTCVM phù hợp với thiết kế của Hệ thống thông tin giám sát.  - Đưa quy định tại khoản 2 Điều 6 (Dự thảo Thông tư lấy ý kiến rộng rãi) lên thành khoản 2 Điều 4 để quy định trường hợp hệ thống thông tin của QTDND gặp sự cố và bổ sung QTDND phải báo cáo NHNN Khu vực khi hoàn thành khắc phục sự cố.  - Đưa quy định tại khoản 1 Điều 6 (Dự thảo Thông tư lấy ý kiến rộng rãi) thành khoản 3 Điều 4 để quy định QTDND thực hiện báo cáo khi chưa đáp ứng yêu cầu gửi báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4. (Chi tiết giải trình việc chỉnh sửa này tại STT 10.9 theo ý kiến của Cục CNTT đối với Điều 6).  - Chỉnh sửa khoản 4 bổ sung Thanh tra NHNN, Cục QLGS để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN sau 01/3/2025.  Cụ thể như sau:  *“****Điều 4. Phương thức cung cấp thông tin, báo cáo***  *1. Đối với* ***thông tin****, báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này:*  ***a) Quỹ tín dụng nhân dân gửi thông tin, báo cáo qua Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;***  ***b) Tổ chức tài chính vi mô gửi thông tin, báo cáo thông qua Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin.***  *2. Trường hợp hệ thống thông tin* ***của*** *quỹ tín dụng nhân dân có sự cố làm gián đoạn việc gửi thông tin, báo cáo, quỹ tín dụng nhân dân* ***báo cáo Ngân hàng Nhà nước Khu vực khi hoàn thành*** *khắc phục sự cố và thực hiện việc gửi báo cáo chậm nhất trong vòng 24 giờ sau khi khắc phục được sự cố.*  *3. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại* ***điểm a khoản 1 Điều này****, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện như sau:*  *a) Gửi thông tin, báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;*  *b) Hoàn thành nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo đủ điều kiện gửi thông tin, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước* ***chậm nhất 03 tháng sau khi Hệ thống thông tin giám sát chính thức đi vào hoạt động.***  *4. Đối với các thông tin, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng,* ***Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng****, Ngân hàng Nhà nước Khu vực cung cấp thông qua các chức năng trên Hệ thống thông tin giám sát theo Quy chế* ***quản lý, khai thác và sử dụng*** *Hệ thống thông tin giám sát.*  *5. Các hệ thống thông tin quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này được kết nối,* ***chia sẻ*** *thông tin, báo cáo* ***với Hệ thống thông tin giám sát*** *bằng phương thức kỹ thuật phù hợp với từng hệ thống* ***theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin.****”* |
| 5.1 | **CIC:**  (i) Tên Điều 4: Đề nghị cân nhắc, chỉnh sửa theo hướng:  *“Phương thức* ***cung cấp thông tin****, báo cáo”*  Lý do: Phù hợp với quy định về thu thập thông tin, báo cáo tại Dự thảo Thông tư.  (ii) Đề nghị chỉnh sửa theo hướng:  *“2. Đối với các thông tin, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, ~~do~~ Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước khu vực cung cấp thông qua...”* |
| 5.2 | **Cục CNTT:**  - Khoản 2 Điều 4 đề nghị bỏ nội dung *“theo Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát”*, do: việc thực hiện chức năng của hệ thống theo tài liệu hướng dẫn sử dụng của hệ thống.  - Khoản 3 Điều 4 đề nghị chỉnh sửa nội dung *“… kết nối, thu thập thông tin, báo cáo bằng phương thức kỹ thuật…”* thành *“kết nối, chia sẻ thông tin, báo cáo với Hệ thống thông tin giám sát bằng phương thức kỹ thuật…”* |
| 6 | **Điều 5. Định kỳ và thời hạn gửi thông tin, báo cáo**  1. Định kỳ và thời hạn gửi thông tin, báo cáo quy định tại Điều 3 Thông tư này được quy định chi tiết theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.  2. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì hạn gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó hoặc theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. | **Vụ Pháp chế:**  (i) Khoản 2: Đề nghị xem lại quy định này, cân nhắc bỏ quy định tại Quyết định của Thống đốc, do tại khoản 1 đã giao Thống đốc ban hành quyết định cá biệt.  (ii) Quyết định danh mục báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát trong từng thời kỳ (khoản 1 Điều 3), Quyết định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ (khoản 1 Điều 5), hướng dẫn của NHNN trong từng thời kỳ (khoản 2 Điều 5) có phải là một văn bản không, đề nghị quy định thống nhất. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa Điều 5 như sau:  *“Điều 5. Định kỳ và thời hạn gửi thông tin, báo cáo*  *1. Định kỳ và thời hạn gửi thông tin, báo cáo* ***được quy định chi tiết tại Danh mục thông tin, báo cáo ban hành kèm theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại Điều 3 Thông tư này****.*  *2. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi thông tin, báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì* ***thời*** *hạn gửi thông tin, báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó.”* |
|  |  | **NHNN Khu vực 13, TCTCVM CEP:**  Khoản 2 Điều 5 sửa thành: *“2. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi* ***thông tin****, báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì hạn gửi* ***thông tin****, báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó hoặc theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ”*.  Lý do: để đảm bảo tính thống nhất. |
| 7 | **Điều 6. Quy trình báo cáo, tra soát, xử lý, duyệt báo cáo điện tử**  1. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô chưa đáp ứng yêu cầu gửi báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô thực hiện như sau:  a) Gửi dữ liệu thông qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát;  b) Hoàn thành nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo đủ điều kiện truyền thông tin, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo thời hạn được Ngân hàng Nhà nước quy định.  2. Trường hợp hệ thống thông tin tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô có sự cố làm gián đoạn việc gửi thông tin, báo cáo, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô khắc phục sự cố và thực hiện việc gửi báo cáo chậm nhất trong vòng 24 giờ sau khi khắc phục được sự cố.  3. Đối với thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này:  a) Sau khi quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô gửi thông tin, báo cáo, Hệ thống thông tin giám sát tự động kiểm tra, kiểm duyệt thông tin, báo cáo nếu đảm bảo công thức tính toán, tính chính xác, hợp lý và đưa vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát hoặc phản hồi tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô nếu phát hiện sai sót.  b) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước khu vực có thể trả lại thông tin, báo cáo nếu trong quá trình khai thác tiếp tục phát hiện sai sót để Hệ thống thông tin giám sát phản hồi tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.  c) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tra soát điện tử, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại đầy đủ, kịp thời, chính xác số liệu báo cáo.  d) Sau 06 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Hệ thống thông tin giám sát khóa tự động việc gửi báo cáo. | **Vụ DBTKOD:**  **(i)** Thông tư hiện đang đề cập đến 2 hệ thống: Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát QTDND và TCTCVM (Hệ thống thông tin giám sát của NHNN) và Hệ thống thông tin của QTDND (của QTDND/TCTCVM hay NHNN xây dựng, quản lý?). Vì vậy, đề nghị Quý Cơ quan làm rõ quy trình tại Điều 6 áp dụng cho hệ thống nào?  **(ii)** Đề nghị xem xét bổ sung điều khoản về quy trình xử lý thông tin của Hệ thống thông tin giám sát, trong đó có quy định từng bước, trách nhiệm cụ thể của các đơn vị tại từng bước đó. | **Tiếp thu**  - Khoản 1, 2 Điều 6 đưa lên khoản 2, 3 Điều 4 theo ý kiến Vụ DBTKOD tại STT 8 Mục II nêu trên.  - Bổ sung mới khoản 1 Điều 6 quy định quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo của TCTCVM thực hiện theo quy định của NHNN về chế độ báo cáo thống kê để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư.  - Bổ sung mới khoản 2 Điều 6 quy định quy trình báo cáo, tra soát, xử lý báo cáo của QTDND đối với trường hợp Hệ thống thông tin giám sát tự động kiểm tra báo cáo và không cần NHNN Khu vực kiểm duyệt trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát.  - Bổ sung mới khoản 3 Điều 6 quy định quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo của QTDND đối với trường hợp cần NHNN Khu vực kiểm duyệt thông tin, báo cáo trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát.  - Nội dung thời hạn quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 tương tự quy trình tra soát, xử lý mẫu biểu báo cáo điện tử của Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 35/2015/TT-NHNN (về thời hạn đơn vị nhận báo cáo kiểm tra báo cáo (3 ngày), thời hạn đơn vị báo cáo gửi lại báo cáo sau khi nhận được thông báo tra soát (3 ngày), thời hạn khóa tự động hệ thống báo cáo (6 ngày)).  Cụ thể như sau:  *“****Điều 6. Quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo điện tử***  ***1. Quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê.***  ***2. Quy trình báo cáo, tra soát, xử lý báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân đối với trường hợp thông tin, báo cáo không cần thực hiện kiểm duyệt:***  ***a) Sau khi quỹ tín dụng nhân dân gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Hệ thống thông tin giám sát tự động kiểm tra, đối chiếu công thức tính toán, tính chính xác, tính hợp lý và sự tuân thủ các quy tắc dữ liệu được thiết lập. Trường hợp kiểm tra thành công, thông tin, báo cáo được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát để khai thác, sử dụng. Trường hợp thông tin, báo cáo có sai sót, Hệ thống thông tin giám sát tự động gửi thông báo điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân;***  ***b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo điện tử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân phải kiểm tra, chỉnh sửa và gửi lại thông tin, báo cáo đã được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu;***  ***c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Hệ thống thông tin giám sát khóa tự động việc gửi thông tin, báo cáo; Sau thời điểm Hệ thống thông tin giám sát khóa tự động, Ngân hàng Nhà nước Khu vực xem xét lý do chậm nộp và quyết định việc mở khóa thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin giám sát để tiếp nhận báo cáo trên cơ sở đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân;***  ***d) Trong quá trình khai thác, sử dụng thông tin, báo cáo, nếu phát hiện sai sót, Ngân hàng Nhà nước Khu vực gửi thông báo tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân và thực hiện mở khóa việc gửi thông tin, báo cáo đồng thời nêu rõ nguyên nhân quỹ tín dụng nhân dân phải gửi lại thông tin, báo cáo (trong trường hợp thông tin, báo cáo đã khóa tự động).***  ***3. Quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân đối với trường hợp thông tin, báo cáo cần được thực hiện kiểm duyệt:***  ***Trường hợp không thực hiện được theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực thiết lập việc kiểm duyệt thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân và thực hiện như sau:***  ***a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện kiểm duyệt thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp thông tin, báo cáo có sai sót, Ngân hàng Nhà nước Khu vực gửi thông báo tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân;***  ***b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo tra soát điện tử theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân phải kiểm tra, chỉnh sửa và gửi lại thông tin, báo cáo đã được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu;***  ***c) Ngay sau khi nhận được thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại Điểm b khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực kiểm duyệt thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân để cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát;***  ***d) Quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này.****”* |
| 7.1 | **Vụ Pháp chế:**  - Khoản 1: Tên Điều là quy trình báo cáo, tra soát, xử lý, duyệt báo cáo điện tử, tuy nhiên, tại khoản này quy định trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu gửi báo cáo bằng phương thức điện tử. Đồng thời cuối điểm b khoản này quy định “theo thời hạn được NHNN quy định”, không rõ là quy định nào? |
| 7.2 | **Vụ DBTKOD:**  Tại Điểm a Khoản 1 Điều 6: Theo Vụ DBTKOD hiểu, trường hợp đặc biệt khi QTDND không gửi được báo cáo điện tử theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 thì gửi dữ liệu qua chức năng của Hệ thống giám sát. Như vậy, QTDND báo cáo bằng phương thức điện tử qua Hệ thống giám sát (trong điều kiện bình thường theo Khoản 1 Điều 4) và gửi qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát (trong điều kiện không đáp ứng được Khoản 1 Điều 4) thì khác nhau như thế nào? |
| 7.3 | **CIC:**  (i) Điểm a khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể việc gửi dữ liệu thông qua chức năng của Hệ thống giám sát để hỗ trợ công tác báo cáo đối với một số QTDND có quy mô nhỏ, năng lực công nghệ thông tin còn hạn chế hoặc thuộc diện kiểm soát đặc biệt.  (ii) Điểm b khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định thời hạn phải hoàn thành. |
| 7.4 | **Cục CNTT:**  - Điểm a khoản 3: Đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng quy định quy trình xử lý báo cáo của hệ thống và không quy định việc kiểm duyệt tự động (để phù hợp với quy trình nghiệp vụ đã thống nhất tại giai đoạn khảo sát bổ sung: cho phép duyệt tự động hoặc thủ công).  - Điểm b khoản 3: đề xuất chỉnh sửa nội dung “trả lại thông tin, báo cáo nếu trong quá trình khai thác tiếp tục phát hiện sai sót để Hệ thống thông tin giám sát phản hồi tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô” thành “thực hiện tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô nếu trong quá trình khai thác phát hiện thông tin báo cáo có sai sót”. |
| 7.5 | **NHNN Khu vực 13, TCTCVM CEP:**  (i) Điểm c khoản 3 Điều 6 sửa thành: *“c) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tra soát điện tử, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại đầy đủ, kịp thời, chính xác* ***thông tin, báo cáo****.”*  (ii) Điểm d khoản 3 Điều 6 sửa thành: *“d) Sau 06 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Hệ thống thông tin giám sát khóa tự động việc gửi* ***thông tin****, báo cáo.”* |
| 7.6 | **NHNN Khu vực 3:**  Đề nghị bổ sung điểm đ quy định về trường hợp thời hạn tra soát, xử lý, duyệt báo cáo khác với các quy định đã nêu ở điểm b, c, d thì thực hiện theo quy định cụ thể trên mẫu biểu báo cáo kèm theo Quyết định được quy định tại khoản 1 Điều 5 (Quyết định của Thống đốc NHNN theo từng thời kỳ).  Lý do: Trên nội dung hướng dẫn của một số biểu báo cáo có các quy định cụ thể về thời hạn tra soát, xử lý, duyệt báo cáo và không đồng nhất với quy định tại dự thảo Thông tư. | **Tiếp thu**  Thời hạn kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo quy định tương tự Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 35/2015/TT-NHNN và không quy định thời hạn kiểm duyệt cụ thể tại từng báo cáo nữa. |
| 7.7 |  | **Cục QLGS:**  Tại khoản 3 Điều 6 đề nghị cân nhắc, làm rõ đối với biểu mẫu báo cáo của QTDND, TCTCVM sẽ trích xuất trực tiếp từ Hệ thống SG4 sang Hệ thống thông tin giám sát hay do QTDND và TCTCVM tự cập nhật trên Hệ thống thông tin giám sát để đảm bảo tính thống nhất về số liệu | **Tiếp thu**  Quy định rõ phương thức báo cáo của QTDND là qua Hệ thống thông tin giám sát, TCTCVM báo cáo qua Hệ thống báo cáo NHNN tại Điều 4 Thông tư và quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo tại Điều 6 Thông tư. |
| 7.8 |  | **Vụ Pháp chế:**  Điểm b, d khoản 3 quy định “thời hạn gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này”, tuy nhiên Điều 5 không quy định về thời hạn. Đề nghị xem lại quy định này. | **Bảo lưu**  Khoản 1 Điều 5 đã quy định về thời hạn gửi thông tin, báo cáo. |
| 7.9 |  | **Cục CNTT:**  **(i)** Đề nghị xem xét chỉnh sửa bố cục các khoản tại điều này theo hướng mỗi khoản quy định một nội dung riêng về: Quy trình báo cáo điện tử, quy trình xử lý, quy trình kiểm duyệt, quy trình tra soát báo cáo.  **(ii)** Khoản 1, khoản 2: đề nghị gộp, chỉnh sửa thành:  *“1. Quy trình báo cáo điện tử:*  *a) QTDND thực hiện gửi báo cáo qua Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục CNTT;*  *b) TCTCVM gửi báo cáo qua Hệ thống Báo cáo NHNN theo hướng dẫn của Cục CNTT”.*  Lý do:  - Theo đề xuất chỉnh sửa bố cục Điều 6 tại điểm (i) nêu trên.  **(iii)** Việc quy định hướng dẫn QTDND gửi báo cáo trong trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu gửi báo cáo điện tử là không cần thiết, do:  + Tại các công văn hướng dẫn đã có quy định QTDND, TCTCVM phải đáp ứng yêu cầu gửi báo cáo NHNN, trường hợp không đáp ứng thì NHNN xem xét xử lý theo quy định;  + Trường hợp QTDND không kịp nâng cấp phần mềm để gửi báo cáo theo yêu cầu, Cục CNTT sẽ có hướng dẫn các đơn vị thực hiện trước khi triển khai chính thức (Bằng hình thức gửi file dữ liệu báo cáo qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát). | **(i) Bảo lưu**  Do quy trình báo cáo, xử lý, kiểm duyệt, tra soát là một quy trình với các bước, tiến trình xảy ra nối tiếp nên quy định chung tại 1 khoản.  **(ii)** **Tiếp thu**  - Đã chỉnh sửa phương thức theo báo cáo của QTDND, TCTCVM tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư nêu trên.  **(iii) Bảo lưu**  Cần quy định hướng dẫn QTDND gửi báo cáo trong trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu báo cáo điện tử do trường hợp QTDND không kịp nâng cấp phần mềm khi Hệ thống thông tin giám sát chính thức hoạt động thì cần có quy định về thời hạn QTDND phải đảm bảo nâng cấp (không thể luôn luôn báo cáo bằng hình thức gửi file dữ liệu). |
| 7.10 |  | **NHNN Khu vực 13, TCTCVM CEP:**  Điểm d khoản 3 Điều 6: đề nghị thay đổi thời hạn theo hướng cộng thêm thời gian khắc phục sự cố (nếu có) hoặc quy định thêm hình thức gửi báo cáo trong trường hợp đơn vị không thể gửi báo cáo bằng phương thức điện tử do sự cố như quy định tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Thông tư. | **Bảo lưu**  Đã chỉnh sửa thành khoản 2 Điều 4 theo đó sau khi khắc phục được sự cố, QTDND phải báo cáo NHNN Khu vực và gửi báo cáo chậm nhất 24h kể từ khi khắc phục được sự cố. |
| 7.11 |  | **NHNN Khu vực 3:**  Thời gian thực hiện tra soát, xử lý, duyệt báo cáo điện tử cần được chia phù hợp theo định kỳ báo cáo ngày, tháng, quý, năm. Đề xuất đối với báo cáo tháng, quý, năm thời gian hiện tra soát, xử lý, duyệt báo cáo phù hợp, đồng nhất với điểm a, b khoản 2 Điều 12 Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-NHNN ngày 16/5/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (05 ngày tra soát, 12 ngày kiểm duyệt). | **Bảo lưu**  Thời gian tra soát, xử lý đã được Cục ATHT tham khảo Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 35/2015/TT-NHNN (03 ngày để đơn vị nhận báo cáo kiểm duyệt báo cáo (trường hợp kiểm duyệt thủ công), 03 ngày để QTDND gửi lại báo cáo khi có sai sót, 06 ngày hệ thống khóa tự động việc gửi báo cáo). |
| 8 | **Điều 7. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô**  1. Lưu giữ, truy cập, bổ sung cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, bảo đảm quản lý đầy đủ thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của đơn vị.  2. Đảm bảo khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước. | **Vụ DBTKOD:**  Tại Khoản 2 Điều 7, đề nghị sửa thành “Đảm bảo khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát **và quản lý** của Ngân hàng Nhà nước” để đảm bảo thông tin dữ liệu phục vụ các hoạt động khác của NHNN ngoài hoạt động giám sát. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa Điều 7 như sau:  *“****Điều 7. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô***  *1. Lưu giữ, bổ sung cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, bảo đảm quản lý đầy đủ thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của đơn vị.*  *2. Đảm bảo khả năng* ***sẵn sàng*** *kết nối,* ***cung cấp thông tin, báo cáo******theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này****.*  ***3. Hệ thống thông tin của quỹ tín dụng nhân dân cần đáp ứng yêu cầu kết nối với Hệ thống thông tin giám sát theo tiêu chuẩn kỹ thuật được Ngân hàng Nhà nước ban hành.****”* |
|  |  | **Cục CNTT:**  (i) Đề nghị bổ sung nội dung: “Đối với QTDND, Hệ thống CNTT quản lý hoạt động của QTDND cần đáp ứng yêu cầu kết nối với hệ thống của NHNN theo Tiêu chuẩn kỹ thuật được NHNN ban hành”.  (ii) Khoản 2: đề nghị chỉnh sửa thành *“Đảm bảo khả năng* ***sẵn sàng*** *kết nối, truy cập dữ liệu ~~trực tuyến~~ phục vụ hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước”* |
| 9 | **Điều 8. Khai thác thông tin, báo cáo**  1. Nội dung, phạm vi khai thác thông tin, báo cáo và phân quyền khai thác trên Hệ thống thông tin giám sát của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát.  2. Khi có nhu cầu khai thác thông tin, báo cáo từ Hệ thống thông tin giám sát, các đơn vị được quy định tại khoản 1 Điều này đăng ký bằng văn bản với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  3. Các đơn vị, cá nhân được phép khai thác thông tin, báo cáo chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng thông tin, báo cáo đúng mục đích và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin. | **Cục CNTT:**  Xem xét bổ sung quy định về chia sẻ dữ liệu báo cáo cho các hệ thống khác; bổ sung quy định Hệ thống giám sát chia sẻ thông tin, báo cáo cho Kho dữ liệu tập trung của NHNN để các Đơn vị thuộc NHNN khai thác phục vụ công tác điều hành, quản lý. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành **Điều 8. Khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo**, theo đó:  - Khoản 1 quy định về các đơn vị thuộc NHNN được khai thác thông tin, báo cáo (được cấp tài khoản truy cập Hệ thống thông tin giám sát để khai thác): NHNN Khu vực được khai thác toàn bộ thông tin, báo cáo của QTDND đặt trụ sở chính trên địa bàn; Các đơn vị khác thuộc NHNN có nhu cầu khai thác thông tin cần đăng ký bằng văn bản với Cục ATHT để tổng hợp, trình Thống đốc NHNN phê duyệt.  - Khoản 2 quy định về NHHTX, BHTG được chia sẻ thông tin, báo cáo (Hệ thống thông tin giám sát chia sẻ thông tin, báo cáo sang các Hệ thống thông tin khác để các đơn vị khai thác) và phương thức chia sẻ, phạm vi chia sẻ.  Đối với ý kiến (ii) của NHHTX về việc NHHTX chỉ được khai thác các dữ liệu bắt buộc phải bảo mật theo quy định sau khi được NHNN mã hóa, bổ sung nội dung quy định về bảo mật thông tin, báo cáo tại Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát tại Điều 9 Dự thảo Thông tư.  - Khoản 3 Điều 8 quy định thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát được chia sẻ cho Kho dữ liệu tập trung của NHNN để các đơn vị thuộc NHNN khai thác phục vụ công tác điều hành, quản lý.  Cụ thể như sau:  *“****Điều 8. Khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo***  ***1. Khai thác thông tin, báo cáo:***  ***a) Ngân hàng Nhà nước khu vực được khai thác toàn bộ thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính trên địa bàn.***  ***b) Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có nhu cầu khai thác thông tin, báo cáo phải đăng ký bằng văn bản với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.***  ***2. Chia sẻ thông tin, báo cáo:***  ***a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có nhu cầu được chia sẻ thông tin, báo cáo phải đăng ký bằng văn bản với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.***  ***b) Phương thức chia sẻ thông tin, báo cáo thực hiện thông qua việc kết nối giữa các hệ thống thông tin bằng phương thức kỹ thuật theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;***  ***c) Phạm vi chia sẻ thông tin, báo cáo:***  ***- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được chia sẻ thông tin, báo cáo phù hợp với quy định pháp luật về cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.***  ***- Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được chia sẻ thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân phục vụ cho mục đích điều hòa vốn, kiểm toán nội bộ, kiểm tra và giám sát an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.***  ***d) Thông tin, báo cáo được chia sẻ phải bảo đảm quy định pháp luật có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân.***  ***3. Hệ thống thông tin giám sát chia sẻ thông tin, báo cáo cho Kho dữ liệu tập trung của Ngân hàng Nhà nước để các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước khai thác, phục vụ công tác quản lý, điều hành.****”* |
| 9.1 | **Vụ DBTKOD:**  Đề nghị xem xét bổ sung điều khoản quy định về việc chia sẻ dữ liệu, phối hợp với các đơn vị về chất lượng dữ liệu giữa các đơn vị thuộc NHNN. Trách nhiệm đảm bảo về tính đầy đủ của dữ liệu. Do ngoài Quý Cơ quan, các đơn vị khác cũng có nhu cầu sử dụng dữ liệu (như Vụ DBTKOD, Vụ Chính sách tiền tệ,…) |
| 9.2 | **Ngân hàng Hợp tác xã (NHHTX):**  (i) Đề nghị đưa nội dung cụ thể về khai thác thông tin, báo cáo của NHHTX và Bảo hiểm tiền gửi vào dự thảo Thông tư thay vì quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát vì Quy chế là quy định nội bộ về quản trị, vận hành, sử dụng phần mềm của NHNN.  (ii) Xem xét, bổ sung nội dung NHHTX được khai thác đầy đủ thông tin, báo cáo của hệ thống QTDND để phục vụ cho mục đích điều hòa vốn, kiểm toán nội bộ và kiểm tra, giám sát an toàn hệ thống QTDND. Các nội dung thông tin khai thác bắt buộc phải bảo mật theo quy định, NHHTX chỉ được khai thác sau khi được NHNN mã hóa dữ liệu.  (iii) Đề nghị nghiên cứu bổ sung các quyền của đơn vị có liên quan và bổ sung quyền và nghĩa vụ của NHHTX, Bảo hiểm tiền gửi trong quá trình triển khai thực hiện. Do trong quá trình khai thác dữ liệu, thông tin báo cáo, NHHTX và Bảo hiểm tiền gửi phát hiện các lỗi, thiếu, sai sót, biến động bất thường về thông tin dữ liệu thì không rõ phải thực hiện xử lý như thế nào. |
| 9.3 | **CIC:**  (i) Đề nghị cân nhắc, làm rõ đối tượng được khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.  Lý do: Dự thảo chỉ quy định các đơn vị thuộc NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được phân quyền khai thác (theo quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát), chưa quy định cụ thể các đơn vị, cá nhân được phép khai thác thông tin, báo cáo trong Hệ thống thông tin giám sát. QTDND, TCTCVM có thuộc đối tượng được phép khai thác thông tin do chính QTDND, TCTCVM cung cấp không?  (ii) Đề nghị cân nhắc, chỉnh sửa theo hướng thống nhất phân quyền cho các đơn vị cụ thể trong Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát để các đơn vị chủ động thực hiện sau khi Quy chế được ban hành. Trường hợp phát sinh việc khai thác thông tin, báo cáo chưa được quy định trong Quy chế mới cần có văn bản trình Thống đốc phê duyệt.  Lý do: Linh hoạt trong quá trình áp dụng Thông tư. |
| 9.4 | **Cục CNTT:**  Xem xét chỉnh sửa nội dung *“Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát”* thành *“Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát”*. |
|  | **Vụ TCKT:**  Tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Thông tư hiện đang quy định: *“Khi có nhu cầu khai thác thông tin, báo cáo từ Hệ thống thông tin giám sát, các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đăng ký bằng văn bản với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt”*.  Đề nghị đơn vị dự thảo cân nhắc quy định việc trình Thống đốc phê duyệt khi phát sinh đơn vị có nhu cầu khai thác thông tin, báo cáo do việc khai thác này thường phát sinh theo nhiệm vụ được giao của mỗi đơn vị và yêu cầu tiến độ gấp (phục vụ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ...). Do vậy để đảm bảo kịp thời có thông tin, đề nghị cân nhắc sửa nội dung này theo hướng giao Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin trong việc phân quyền khai thác thông tin, báo cáo theo đề xuất của các đơn vị; tổng hợp, báo cáo Thống đốc kết quả thực hiện định kỳ hàng năm trước ngày 31/12. |
| 10 | **Điều 9. Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát**  Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:  1. Giới thiệu tổng quan, các cấu phần của Hệ thống thông tin giám sát.  2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.  3. Nguyên tắc chung trong việc quản trị, vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát.  4. Quản trị Hệ thống thông tin giám sát.  5. Vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo từng cấu phần, mô tả các bước xử lý nghiệp vụ và đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ.  6. Nội dung, phạm vi khai thác thông tin, báo cáo của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.  7. Trách nhiệm của các đơn vị. | **CIC:**  (i) Đề nghị cân nhắc, bổ sung quy định về an toàn hệ thống thông tin trong Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát.  Lý do: Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin của Hệ thống thông tin giám sát.  (ii) Đề nghị bổ sung nội dung về “chức năng của Hệ thống thông tin giám sát.  Lý do: Khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 6 đề cập đến nội dung này. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa Điều 9 tách riêng quy định về Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát (do Cục ATHT đầu mối xây dựng) và Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát (Cục CNTT đầu mối xây dựng) như sau:  *“****Điều 9. Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát và Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát***  ***1. Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát tối thiểu bao gồm các nội dung sau:***  *a) Giới thiệu tổng quan, các cấu phần của Hệ thống thông tin giám sát;*  *b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;*  *c) Nguyên tắc chung trong việc* ***quản lý, khai thác và sử dụng*** *Hệ thống thông tin giám sát;*  ***d) An toàn hệ thống thông tin trong việc quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát;***  *đ)* ***Khai thác, sử dụng*** *Hệ thống thông tin giám sát theo từng cấu phần, mô tả các bước xử lý nghiệp vụ và đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ;*  *e) Trách nhiệm của các đơn vị;*  ***g) Nội dung khác.***  ***2. Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát tối thiểu bao gồm các nội dung sau:***  ***a) Giới thiệu tổng quan hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giám sát;***  ***b) Phạm vi, trách nhiệm của người sử dụng, vận hành, quản trị Hệ thống thông tin giám sát;***  ***c) Nguyên tắc chung trong việc quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát;***  ***d) Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát;***  ***đ) Quy trình xử lý sự cố;***  ***e) Bảo mật thông tin, báo cáo trong quá trình thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật;***  ***g) Trách nhiệm của các đơn vị;***  ***h) Nội dung khác.****”* |
|  | **Cục CNTT:**  Đề nghị chỉnh sửa các nội dung liên quan đến Quy chế tại dự thảo thông tư theo hướng:  - Các nội dung về kỹ thuật như quy trình quản trị, vận hành công nghệ thông tin của Hệ thống thông tin giám sát: quy định tại Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát do Cục CNTT đầu mối xây dựng ban hành và thực hiện.  - Các nội dung còn lại quy định tại Điều 9 dự thảo thông tư thuộc các nội dung về khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát: quy định tại Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát – do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng là đơn vị đầu mối, phối hợp với Cục CNTT xây dựng, ban hành.  - Các quy định có liên quan: chỉnh sửa lại tham chiếu đến tài liệu tương ứng cho phù hợp.  **Lý do:**  - Theo Điều 9 dự thảo Thông tư, nội dung Quy chế chỉ bao gồm một số nội dung về kỹ thuật như việc vận hành, hướng dẫn sử dụng hệ thống. Các nội dung còn lại liên quan đến việc quản trị, đối tượng tham gia sử dụng, khai thác và trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến Hệ thống thông tin giám sát (chủ yếu liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng hệ thống).  - Theo chỉ đạo của Phó thống đốc Phạm Tiến Dũng tại Tờ trình số 1320/TTr-TTGSNH3 của Quý Cơ quan ngày 30/10/2024:“Phần vận hành CNTT nên để quy trình riêng”.  - Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế An toàn bảo mật của NHNN Ban hành theo Quyết định số 2063/QĐ-NHNN ngày 09/12/2022, đơn vị quản lý kỹ thuật (đối với Hệ thống thông tin giám sát là Cục CNTT) có trách nhiệm “ban hành các quy trình vận hành hệ thống thông tin do đơn vị mình quản lý” bao gồm các nội dung về quy trình bật, tắt hệ thống; sao lưu, phục hồi dữ liệu; vận hành và xử lý sự cố; giám sát và ghi nhật ký hoạt động của hệ thống…, trong đó có xác định rõ phạm vi, trách nhiệm của người sử dụng, vận hành, quản trị hệ thống.  Trên cơ sở các nội dung trên, đề nghị chỉnh sửa Điều 9 như sau:  (i) Xem xét chỉnh sửa thành *“Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát”*.  (ii) Các nội dung tại Quy chế tối thiểu bao gồm:  *“1. Giới thiệu tổng quan, các cấu phần của Hệ thống thông tin giám sát.*  *2. Nguyên tắc chung trong việc quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát.*  *3. Nội dung, phạm vi khai thác thông tin, báo cáo của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.*  *4. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát.”* |
| 11 | **Chương II**  **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ** | **NHNN Khu vực 3:**  Đề nghị bổ sung Điều về trách nhiệm của NHHTX, BHTG đảm bảo phù hợp với Điều 2 dự thảo Thông tư về đối tượng áp dụng. | **Tiếp thu**  Bổ sung mới Điều 16 quy định về trách nhiệm của các đơn vị được khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát. |
| 12 | **Điều 10. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin** |  |  |
| 12.1 | Khoản 1 Điều 10  1. Chủ trì xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin giám sát đảm bảo việc thu thập, xử lý, khai thác thông tin, báo cáo theo quy định tại Thông tư này |  | Chỉnh sửa khoản 1 để phù hợp với trách nhiệm của Cục CNTT tại Dự thảo Thông tư như sau:  *“1. Chủ trì xây dựng, triển khai* ***và hướng dẫn thực hiện*** *Hệ thống thông tin giám sát đảm bảo việc thu thập, khai thác,* ***chia sẻ*** *thông tin, báo cáo theo quy định tại Thông tư này;”* |
| 12.2 | Khoản 2 Điều 10  2. Hướng dẫn quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Thông tư này. |  | Chỉnh sửa thành khoản 2 Điều 10 cho phù hợp trích dẫn tại Dự thảo Thông tư như sau:  *“2. Hướng dẫn quỹ tín dụng nhân dân thực hiện quy định tại* ***điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 4****.”* |
| 12.3 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới khoản 3 Điều 10 để quy định Cục CNTT hướng dẫn TCTCVM báo cáo:  *“3. Hướng dẫn tổ chức tài chính vi mô thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này.”* |
| 12.4 | Khoản 3 Điều 10  3. Hướng dẫn việc thực hiện kết nối, thu thập dữ liệu từ các hệ thống khác theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này. |  | Chỉnh sửa thành khoản 4 Điều 10 như sau:  *“4. Hướng dẫn việc thực hiện kết nối, thu thập* ***thông tin*** *từ các hệ thống thông tin* ***quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này.****”* |
| 12.5 | Khoản 4 Điều 10  4. Đảm bảo khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến đối với việc cung cấp thông tin, báo cáo cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam theo quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát. | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, bổ sung theo hướng:  *“4. Đảm bảo khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến đối với việc cung cấp thông tin, báo cáo cho* ***các đơn vị thuộc NHNN****, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam theo quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát”.*  Lý do: Các đơn vị thuộc NHNN là đối tượng được phép khai thác thông tin, báo cáo trên Hệ thống giám sát theo quy định tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 8 dự thảo Thông tư. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 5 Điều 10 như sau:  *“5. Đảm bảo khả năng* ***khai thác thông tin, báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.****”*  **Bổ sung**  Bổ sung mới khoản 6 Điều 10 như sau:  *“6.* *Đảm bảo bảo mật thông tin, báo cáo và khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin, báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.”* |
|  |  | **Cục CNTT:**  Đề nghị xem xét chỉnh sửa thành *“Đảm bảo khả năng* ***sẵn sàng*** *kết nối,* ***chia sẻ dữ liệu cho các đơn vị theo quy định tại Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát.****”* |
| 12.6 | Khoản 5 Điều 10  5. Đầu mối xây dựng Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 9 Thông tư này. | **Cục CNTT:**  Đề nghị chỉnh sửa thành *“Đầu mối xây dựng* ***Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát****.”* | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 7 Điều 10 như sau:  *“7. Đầu mối xây dựng* ***Quy trình quản trị, vận hành*** *Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại* ***khoản 2 Điều 9*** *Thông tư này”* |
| 12.7 |  | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, bổ sung theo hướng:  *“5. Đầu mối xây dựng,* ***trình Thống đốc ban hành*** *Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.”*  Lý do: Phù hợp với Bản thuyết minh tại Điều 9 – Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống giám sát thuộc thẩm quyền của Thống đốc. | **Bảo lưu**  Do đã chỉnh sửa thành *“Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát”* nên có thể không cần trình Thống đốc ban hành. |
| 12.8 |  | **Cục CNTT:**  Bổ sung quy định *“Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”*. | **Tiếp thu**  Bổ sung mới khoản 8 Điều 10 như sau:  *“8. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.”* |
| 12.9 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới khoản 9 Điều 10 quy định việc phối hợp với Cục ATHT trong việc khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo như sau:  *“9. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng thực hiện quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư này.”* |
| 13 | **Điều 11. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng** | **Vụ DBTKOD:**  Điều 11 tại dự thảo Thông tư về trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng tại dự thảo đang chỉ dừng lại ở việc xây dựng báo cáo, giải đáp vướng mắc. Do đó, đề nghị Quý Cơ quan bổ sung đầy đủ trách nhiệm đơn vị đầu mối xây dựng, thu thập, khai thác thông tin báo cáo theo phân công của Ban lãnh đạo NHNN. | **Tiếp thu**  Bổ sung mới khoản 1 Điều 11 như sau:  *“****Điều 11. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng***  *1.* *Đầu mối xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư quy định về thu thập, khai thác thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.”* |
| 13.1 | Khoản 1, 2 Điều 11  1. Đầu mối xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định về danh mục thông tin, báo cáo các đơn vị cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.  2. Đầu mối tiếp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới mẫu biểu báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát. | **Vụ DBTKOD:**  Tại Khoản 2 Điều 11: Trách nhiệm *“2. Đầu mối tiếp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới mẫu biểu báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát”* cần bổ sung làm rõ ý tiếp nhận để làm gì, có mối liên hệ với quy định tại Khoản 1 không? | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 2, 3 Điều 11 như sau:  *“2. Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định về Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.*  *3. Đầu mối tiếp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới* ***thông tin****, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát.”* |
|  |  | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, bổ sung nội dung: *“Đầu mối tiếp nhận yêu cầu khai thác thông tin, báo cáo từ Hệ thống thông tin giám sát”.*  Lý do: Thống nhất với nội dung tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Thông tư. |
|  |  | **NHNN Khu vực 14:**  Bổ sung quy định “Tổng hợp danh sách đăng ký khai thác thông tin, báo cáo từ Hệ thống thông tin giám sát, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt” vào Điều 11 dự thảo Thông tư, để phù hợp với khoản 2 Điều 8 quy định về khai thác thông tin, báo cáo của dự thảo Thông tư |
| 13.2 | Khoản 3 Điều 11  3. Thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, chỉnh sửa theo hướng:  *“3. Thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* ***trong từng thời kỳ.****”* | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 4 Điều 11 như sau:  *“4. Thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này****.****”* |
| 13.3 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới khoản 5 Điều 11 như sau:  *“5. Đầu mối tiếp nhận đăng ký khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư này, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.”* |
| 13.4 | Khoản 5 Điều 11  5. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 9 Thông tư này. | **Cục CNTT:**  Đề nghị chỉnh sửa thành *“Đầu mối xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”* | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 6 Điều 11 như sau:  *“6. Đầu mối xây dựng Quy chế* ***quản lý, khai thác và sử dụng*** *Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại* ***khoản 1 Điều 9*** *Thông tư này.”* |
| 13.5 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới khoản 7 Điều 11 quy định trách nhiệm của Cục ATHT trong quá trình phối hợp kết nối giữa Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa (Cục ATHT quản lý) để thu thập thông tin của Hệ thống thông tin giám sát. Cụ thể:  *“7. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin thực hiện kết nối, thu thập thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát với Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa.”* |
| 13.6 | Khoản 4 Điều 11  4. Đầu mối phối hợp với Cục Công nghệ thông tin hướng dẫn và trả lời kịp thời cho các đơn vị báo cáo về các vướng mắc liên quan đến trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng trong việc thực hiện Thông tư này. |  | Chỉnh sửa thành khoản 8 Điều 11 như sau:  *“8. Đầu mối phối hợp với Cục Công nghệ thông tin hướng dẫn thực hiện Thông tư này.”* |
| 14 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới **Điều 12. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước** để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của NHNN sau ngày 01/3/2025 như sau:  *“****Điều 12. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước***  *1. Khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước phải xây dựng các mẫu biểu báo cáo cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.*  *2. Thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.*  *3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này của tổ chức tài chính vi mô.*  *4. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.”* |
| 15 |  | **Cục QLGS:**  Đề nghị xem xét, quy định phân định rõ trách nhiệm của đơn vị thực hiện sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, kiểm duyệt mẫu biểu báo cáo liên quan đến TCTCVM và các mẫu biểu báo cáo liên quan đến nghiệp vụ thanh tra, kiểm toán | **Bổ sung**  Bổ sung mới **Điều 13. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng** để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của NHNN sau ngày 01/3/2025 như sau:  *“****Điều 13. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng***  *1. Khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng phải xây dựng các mẫu biểu báo cáo cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.*  *2. Thực hiện giám sát việc thực hiện Thông tư này của tổ chức tài chính vi mô.*  *3. Thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.*  *4. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.”* |
| 16 | **Điều 12. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước khu vực** |  |  |
| 16.1 | Khoản 1 Điều 12  1. Khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới mẫu biểu báo cáo liên quan đến quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước khu vực phải xây dựng các mẫu biểu báo cáo cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đầu mối tiếp nhận. | **NHNN Khu vực 13, TCTCVM CEP:**  Khoản 1 Điều 12 sửa thành: *“1. Khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới mẫu biểu báo cáo liên quan đến quỹ tín dụng nhân dân,* ***tổ chức tài chính vi mô****, Ngân hàng Nhà nước khu vực phải xây dựng các mẫu biểu báo cáo cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đầu mối tiếp nhận.”*  Lý do: phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 1 Điều 14 như sau:  *“****Điều 14. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước khu vực***  *1. Khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới* ***thông tin****, báo cáo liên quan đến quỹ tín dụng nhân dân,* ***tổ chức tài chính vi mô****, Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải xây dựng các mẫu biểu báo cáo cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.”* |
| 16.2 | Khoản 2 Điều 12  2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc cung cấp thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô. | **Cục QLGS:**  Đề nghị cân nhắc, sửa đổi nội dung quy định đối với trách nhiệm của NHNN Khu vực đối với TCTCVM để phù hợp với quy định hiện hành về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc NHNN;  Lý do: Hiện nay, NHNN Khu vực chỉ thực hiện đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc cung cấp thông tin báo cáo đối với chi nhánh TCTCVM trên địa bàn. | **Tiếp thu**  Chỉnh sửa thành khoản 2 Điều 14 để phù hợp chức năng, nhiệm vụ của NHNN khu vực như sau:  *“2.* ***Thanh tra****, kiểm tra, giám sát việc* ***thực hiện Thông tư này*** *của quỹ tín dụng nhân dân.”* |
| 16.3 | Khoản 3 Điều 12  3. Thực hiện trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. |  | Chỉnh sửa thành khoản 3 Điều 14 như sau:  *“3. Thực hiện trách nhiệm* ***quy định tại Khoản 2 Điều 3; Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 4; Điều 6; Khoản 1 Điều 8; Điều 9 Thông tư này.****”* |
| 16.4 | Khoản 4 Điều 12  4. Khi phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, Ngân hàng Nhà nước khu vực liên hệ với Cục Công nghệ thông tin, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng hoặc phản ánh bằng văn bản về Ngân hàng Nhà nước. |  | Chỉnh sửa thành khoản 4 Điều 14 như sau:  ***“4. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này; với Cục công nghệ thông tin xây dựng Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.”*** |
| 16.5 | Khoản 5 Điều 12  5. Định kỳ hàng quý, nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô trong 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng thứ hai quý sau. | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, làm rõ quá trình nhận xét, đánh giá việc thực hiện báo cáo của QTDND, TCTCVM được thực hiện theo quy định nào? Kết quả đánh giá được ghi nhận vào hệ thống nào? | **Tiếp thu**  Bỏ nội dung quy định tại khoản 5 do đã có quy định tại khoản 2 Điều 14 nêu trên (Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này của quỹ tín dụng nhân dân). |
| 16.6 | Khoản 6 Điều 12  6. Trên cơ sở nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, định kỳ hàng quý, xem xét biện pháp xử lý theo quy định pháp luật hiện hành đối với các quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô vi phạm. | **CIC:**  Đề nghị làm rõ quy định pháp luật hiện hành áp dụng đối với việc xử lý đối với QTDND, TCTCVM vi phạm. | **Tiếp thu**  Bỏ nội dung quy định tại khoản 6 do đã có quy định tại khoản 2 Điều 14 nêu trên (Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này của quỹ tín dụng nhân dân). |
| 17 | **Điều 13. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô**  Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này. | **Vụ Pháp chế:**  Đề nghị cân nhắc Điều này vì Điều 16 dự thảo Thông tư đã quy định Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. | **Tiếp thu**  Bỏ nội dung quy định tại Điều 13 Dự thảo Thông tư do đã có quy định tại Điều về “Tổ chức thực hiện” |
|  |  | **Cục QLGS:**  Đề nghị cân nhắc, hủy bỏ nội dung này do Thông tư là văn bản quy phạm pháp luật, theo đó các đối tượng chịu sự điều chỉnh phải chấp hành thực hiện; ngoài ra, Điều 16 Dự thảo Thông tư cũng đã quy định về trách nhiệm thi hành Thông tư đối với các đối tượng có liên quan. Trường hợp giữ lại Điều 13 đề nghị xem xét, chỉnh lý theo hướng quy định trách nhiệm cụ thể của QTDND và TCTCVM. |
|  |  | **CIC:**  Đề nghị cân nhắc, quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của QTDND, TCTCVM.  Lý do: Đây là đối tượng thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo cho Hệ thống thông tin giám sát, thực hiện rất nhiều nhiệm vụ được nêu tại Dự thảo Quyết định. |
| 18 | **Điều 14. Trách nhiệm của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam**  1. Đảm bảo kết nối, truyền thông tin theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Thông tư này.  2. Cung cấp thông tin, báo cáo theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. | **CIC:**  (i) Đề nghị cân nhắc, bỏ nội dung này.  Lý do:  - Quyền và nghĩa vụ của CIC trong việc hỗ trợ các đơn vị thuộc NHNN tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng để cung cấp theo đề nghị của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và việc đã được quy định đầy đủ, cụ thể tại Thông tư 15/2023/TT-NHNN và Quyết định số 679/QĐ-NHNN ngày 09/4/2025 của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của CIC. CIC luôn đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đơn vị đầu mối thực hiện hoạt động thông tin tín dụng của NHNN.  - Dự thảo Thông tư quy định việc thu thập thông tin, báo cáo từ nhiều đơn vị thuộc NHNN.  (ii) Trường hợp Ban soạn thảo giữ nguyên quan điểm tại dự thảo Thông tư: Đề nghị cân nhắc, rà soát, chỉnh sửa quy định đầy đủ trách nhiệm của các Hệ thống thông tin, trách nhiệm của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam…  (iii) Khoản 2: Đề nghị trích dẫn cụ thể nội dung văn bản hướng dẫn việc thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo (Quyết định nào của NHNN, nội dung gì, đơn vị nào đầu mối trình ban hành). | **Tiếp thu**  Bỏ nội dung quy định tại Điều 14 và bổ sung **Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước** tại STT 23 Mục II để làm rõ trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc NHNN trong quá trình phối hợp kết nối giữa các hệ thống thông tin khác để thu thập thông tin của Hệ thống thông tin giám sát (Vụ DBTKOD quản lý Hệ thống báo cáo NHNN, CIC quản lý Hệ thống thông tin tín dụng) |
|  |  | **Vụ DBTKOD:**  Tại Khoản 2 Điều 14: Đề nghị bổ sung thành “2. Cung cấp thông tin, báo cáo theo Quyết định về danh mục thông tin, báo cáo các đơn vị cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư này của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”. |
| 19 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới **Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước** để quy định trách nhiệm phối hợp của các đơn vị đang quản lý các Hệ thống thông tin quy định tại khoản 3 Điều 3 (Vụ DBTKOD, Cục ATHT, CIC,…) khi thực hiện kết nối, thu thập thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát:  “**Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**  Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao quản lý các Hệ thống thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ thông tin trong quá trình kết nối, thu thập thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.” |
| 20 |  |  | **Bổ sung**  Bổ sung mới **Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị được khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo** quy định về trách nhiệm của các đơn vị được khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát:  “**Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị được khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo**  1. Sử dụng thông tin, báo cáo để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật.  2. Quản lý, sử dụng thông tin, báo cáo đúng mục đích và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin.  3. Trong quá trình khai thác thông tin, báo cáo, nếu phát hiện bất thường về chất lượng thông tin, báo cáo, các đơn vị được khai thác, chia sẻ thông tin có văn bản thông báo cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để phối hợp với Cục Công nghệ thông tin kiểm tra, xử lý.” |
| 21 | **Điều 15. Hiệu lực thi hành**  Thông tư này có hiệu lực từ ngày …./…./2025. | **Cục ATHT:**  Thông tư này chỉ áp dụng được khi Hệ thống thông tin giám sát được đưa vào vận hành chính thức (dự kiến tháng 10/2025). Thời điểm có hiệu lực của Thông tư có thể thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành Thông tư). Tuy nhiên, Điều 3 Thông tư quy định về thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát trong đó có Danh mục thông tin yêu cầu QTDND, TCTCVM báo cáo đang được NHNN gửi cho các QTDND, TCTCVM (theo Công văn số 1718/NHNN-CNTT ngày 10/3/2025 và Công văn số 1744/NHNN-CNTT ngày 11/3/2025) để yêu cầu QTDND, TCTCVM thực hiện chuẩn bị nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ đáp ứng việc triển khai chính thức Hệ thống thông tin giám sát vào tháng 10/2025. Do đó, thời điểm Thông tư có hiệu lực thi hành đến khi Thống đốc ban hành Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát, QTDND, TCTCVM cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định và yêu cầu của NHNN tại Công văn số 2947/NHNN-DBTK ngày 02/5/2018 và Công văn số 4771/NHNN-DBTK ngày 26/6/2018. | Chỉnh sửa thành Điều 17 như sau:  *“Điều 17. Hiệu lực thi hành*  *1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày …./…./2025.*  ***2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến thời điểm Thống đốc ban hành Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 2947/NHNN-DBTK ngày 02/5/2018 và Công văn số 4771/NHNN-DBTK ngày 26/6/2018.****”* |